

Bản án số: 469/2025/HS-PT

Ngày: 25 - 6 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Thẩm phán:

Ông Vũ Đức Toàn

Bà Bùi Thị Thu

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thuý – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Bùi Văn Thành - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23/6/2025 và 25/6/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 291/2025/TLPT-HS ngày 23 tháng 4 năm 2025 đối với các bị cáo Trần Thị Lệ X, Nguyễn Minh H do kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 97/2025/HS-ST ngày 10 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Trần Thị Lệ X; sinh năm: 1986, tại: tỉnh Bình Định; nơi đăng ký thường trú và cư trú: Lô S, đường số A, khu tái định cư N, xã N, thành phố Q, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần D và bà Nguyễn Thị M; chồng: Đỗ Ngọc C, đã ly hôn; con: có 03 người, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo theo yêu cầu của Tòa án: Luật sư Lê Thị Thanh L – Đoàn luật sư Thành phố H (có mặt).

2. Nguyễn Minh H; sinh năm 1981, tại: tỉnh Long An; nơi đăng ký thường trú và cư trú: 117/7 ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Giám đốc C6; trình độ học vấn: Đại học; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C1 và bà Huỳnh Thị B (chết); vợ: Phạm Thị Thùy T, sinh năm 1984; con: có 02 người, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: không;

Bị bắt, tạm giam từ ngày 17/11/2023 (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo theo yêu cầu của Tòa án: Luật sư Nguyễn Thị M1 – Đoàn luật sư Thành phố H (có mặt).

(Những người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo, kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2020, Trần Thị Lệ X đã đưa ra thông tin gian dối X là cháu của ông T2 – Bí thư Tỉnh ủy B2 và ông Võ Quốc T1 - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đ1, nên X có khả năng làm được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và biết có đất nội bộ của Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H và đất nội bộ của Công ty Đ1 rao bán rẻ, làm những người bị hại tưởng thật, đồng ý đưa tiền cho X để nhận chuyển nhượng đất và nhờ làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bằng thủ đoạn trên, X đã chiếm đoạt tài sản của 11 người bị hại, cụ thể như sau:

1. Hành vi chiếm đoạt tài sản của bà Trần Thị Kim P

Khoảng tháng 11/2018, X thường đến nhà Trần Thị Kim S (em của Nguyễn Minh H, đang thuê trọ nhà bà Trần Thị Kim P, tại địa chỉ số A H, phường P, Quận G) nên bà P quen biết X. Khoảng tháng 3/2020, X nói với bà T2 có quen với các cán bộ ở Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H nên có thể làm được giấy tờ nhà đất và mua đất giá rẻ, X giới thiệu cho bà P khu đất tại C, Quận G được thu hồi bán rẻ với giá 1.000.000.000 đồng/ 01 thửa đất (có diện tích 5m x 17m). Đến khoảng tháng 4/2020, X tiếp tục giới thiệu với bà P 01 thửa đất tại Công viên S với giá 400.000.000 đồng (không rõ diện tích), bà P tưởng thật nên đồng ý nhận chuyển nhượng 02 thửa đất trên. Từ tháng 4/2020 đến tháng 8/2020, bà P nhiều lần đưa tiền cho X. Trong đó, bà P đưa tiền mặt cho X số tiền 50.000.000 đồng; đưa tiền mặt cho Kim S số tiền 10.000.000 đồng theo yêu cầu của X; bà P nhờ Kim S chuyển khoản cho X số tiền 10.000.000 đồng; bà P chuyển khoản theo yêu cầu của X vào các tài khoản 31210000364611 mở tại Ngân hàng B3 của Nguyễn Minh H số tiền 80.000.000 đồng; tài khoản số 0104468622 mở tại Ngân hàng Đ2 của Phạm Thị Thùy T số tiền 10.000.000 đồng; tài khoản số 19036048708019 tại Ngân hàng T11 của Dương Thị Mỹ Duyên S1 tiền 3.000.000 đồng, chuyển vào tài khoản của Trương Thanh P1 tại Ngân hàng A1 số tiền 1.100.000 đồng. X khai nhận việc chuyển tiền vào các tài khoản của Trương Thanh P1, Dương Thị Mỹ D1, Phạm Thị Thùy T là để mua hàng hóa nhưng do thời gian đã lâu nên không nhớ rõ đã mua những gì, những người này không liên quan đến hành vi lừa đảo của X.

Tổng số tiền Trần Thị Lệ X chiếm đoạt của bà Trần Thị Thanh P2 là 164.100.000 đồng.

2. Hành vi chiếm đoạt tài sản của ông Trần Văn N

Thông qua con gái là bà Trần Thị Thanh P2, ông Trần Văn N quen biết Trần Thị Lệ X và được X giới thiệu là người chuyên làm dự án đất đai. Do năm 2007, ông N nhận chuyển nhượng thửa đất tại xã L, huyện N, diện tích 100m² của Công ty H5 (địa chỉ tại F N, phường B, Quận G) nhưng đến nay Công ty H6 chưa giao đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông N, nên ông N hỏi X, X nói có thể giúp ông N được nhận đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, với giá 700.000.000 đồng. Để tạo lòng tin, X điện thoại cho bà P2 nói “chị đã xem hồ sơ ở quận, lô đất mà ba mẹ em mua không chỉ là 100 m² mà là 400 m², vì hai bác may mắn mua được lô đất biệt thự và còn thêm 30 m² thừa ra mà chưa ai đăng ký”. X nói đã ứng tiền đóng giúp ông N số tiền 100.000.000 đồng để làm thủ tục và yêu cầu ông N trả tiền lại cho X, ông N tưởng thật nên đưa cho bà P2 số tiền 100.000.000 đồng để đưa cho X. Khoảng 01 tuần sau, X nói bà P2 nếu muốn đăng ký luôn diện tích 30 m² nữa thì đóng thêm số tiền 36.000.000 đồng, ông N tưởng thật nên đồng ý và đưa cho bà P2 số tiền 36.000.000 đồng để đưa cho X.

Đến khoảng cuối tháng 8/2020, Xuân báo đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và gửi ảnh chụp cho bà P2 và ông N xem để làm tin và nói với bà P2 đến tháng 6/2021 nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và phải giao cho X số tiền 1.000.000.000 đồng chứ không phải là 700.000.000 đồng như thỏa thuận ban đầu vì X đã tự bỏ tiền thêm để hoàn tất hồ sơ cho ông N.

Ngoài việc nhờ X lo thủ tục của thửa đất nêu trên, ông N còn nhờ X làm thủ tục tách thửa đất tại phường P, Quận G thành 4 thửa. Khoảng tháng 08/2020, X hẹn ông N và bà P2 đến quán cà phê “Gu” trên đường P, phường P, Quận G để xem hồ sơ. Sau khi ông N đưa bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S959311, chủ sở hữu đứng tên là Trần Văn N cho X xem, X nói sẽ giữ lại giấy để hỏi một người tên H1 công tác tại Ủy ban nhân dân Quận G. Khoảng 16 giờ cùng ngày, X đóng giả “H1” điện thoại cho ông N báo tổng số tiền làm giấy tách thửa theo yêu cầu của ông N là 1.500.000.000 đồng và yêu cầu giao trước số tiền 800.000.000 đồng, khi hoàn thành công việc thì giao tiếp số tiền còn lại. Ông N nói không có đủ tiền thì H1 (do X đóng giả giọng) kêu ông N mượn tiền X để X chuyển khoản cho H1 và nói “Giấy tờ đất nhà chú khó khăn quá, bây giờ chỉ có X mới làm được thôi”. Ông N nghe vậy nên điện thoại vay tiền X thì X đồng ý và yêu cầu ông N phải trả lại số tiền vay trong vòng 25 ngày.

Ngày 01/9/2020, X đến nhà ông N lấy 04 giấy chứng minh nhân dân và căn cước công dân tên Trần Văn N, Nguyễn Thị C2, Trần Sơn Q, Nguyễn Thị Thu T2 và nhận của ông N số tiền 55.000.000 đồng để làm bản vẽ đất.

Ngày 02/9/2020, gia đình ông N nghi ngờ X lừa đảo nên ông N không nhờ X làm thủ tục tách thửa nữa. Ngày 7/9/2020, ông N kêu bà P2 gặp X để lấy lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S959311, X nói phải trả 800.000.000 đồng mới giao lại giấy, vì X đã đóng số tiền 800.000.000 đồng cho Ủy ban nhân dân Quận G. Đến giữa tháng 9/2020, ông N biết X bị bà Nguyễn

Thị N1 tố cáo tại Công an phường P, Quận G nên ông N làm đơn tố cáo X. Tổng số tiền Trần Thị Lệ X chiếm đoạt của ông Trần Văn N là 191.000.000 đồng.

3. Hành vi chiếm đoạt tài sản của bà Nguyễn Thị N1

Bà Nguyễn Thị N1 là hàng xóm của bà Trần Thị Thanh P2. Khoảng đầu tháng 6/2020, bà P2 giới thiệu với bà N1 việc X có đất tại Công viên S phường P, Quận G được chuyển nhượng với giá rẻ.

Ngày 02/6/2020, bà N1 và bà P2 hẹn gặp X tại quán cà phê số G G, phường P, Quận G. Tại đây, X giới thiệu có quen biết với các cán bộ ở Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H và có thể giúp bà N1 mua được đất nội bộ, diện tích 5m x 20m với giá 1.500.0000 đồng, chỉ cần đặt cọc trước số tiền 200.000.000 đồng để giữ chỗ, số tiền còn lại sau khi nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà N1 có thể thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở Ngân hàng để trả đủ tiền cho bên chuyển nhượng. Bà N1 tưởng thật nên đưa trước cho X số tiền 50.000.000 đồng (có sự chứng kiến của bà P2) và hẹn cuối tháng sẽ đưa thêm số tiền 150.000.000 đồng còn lại. X nói sẽ ứng trước để đặt cọc giữ đất cho bà N1, khi nào có tiền thì bà N1 trả lại cho X.

Ngày 03/6/2020, X hẹn bà N1 và bà P2 tại quán cà phê số D P, KDC N, phường P, Quận G. Tại đây, X giao cho bà N1 “Hợp đồng chuyển nhượng đất ở nội bộ” thể hiện nội dung: “Ông Nguyễn Bá S2 nhận cọc của bà N1 số tiền 200.000.000 đồng để bán cho bà N1 thửa đất có diện tích 5m x 20m, bà N1 còn nợ lại 1.300.000.000 đồng. Hẹn 07 tháng sau sẽ nhận sổ hồng”.

Ngày 07/7/2020, bà N1 đưa cho X số tiền 50.000.000 đồng tại K, chợ P7, Quận G.

Khoảng 10 giờ ngày 08/7/2020, X nói với bà N1 bên bán đất đang cần tiền, nếu bà N1 đưa thêm tiền sớm thì sẽ được giảm tiền mua đất từ 1.500.000.000 đồng còn 1.300.000.000 đồng, bà N1 tưởng thật nên đưa thêm cho X số tiền 150.000.000 đồng. Tổng cộng, bà N1 đưa cho X số tiền 250.000.000 đồng để đặt cọc mua đất nội bộ.

Ngoài việc đặt cọc chuyển nhượng đất nội bộ như nêu trên, bà N1 và chồng là ông Bùi Văn T3 có thửa đất tại đường E, KDC N, phường P, Quận G, diện tích khoảng 70 m². Nguồn gốc thửa đất này là của ông Đào Chiến T4 (hiện ở đâu không rõ). Năm 1999, chồng bà N1 từ Hưng Yên vào Thành phố Hồ Chí Minh phụ hồ cho ông T4, khoảng năm 2011 ông T4 cho vợ chồng bà N1 thửa đất, nhưng không làm giấy tờ tặng cho và vợ chồng bà N1 quản lý sử dụng đến nay. Do bà N1 nghe X nói có quen biết nhiều, nên bà N1 và bà P2 hẹn gặp X tại quán cà phê số D P, KDC N, phường P, Quận G để nhờ X làm dùm giấy tờ của thửa đất nêu trên. X cam kết sẽ làm được giấy chủ quyền do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H cấp và báo giá 500.000.000 đồng. Bà N1 đồng ý và đã nhiều lần giao tiền cho X. Trong đó, bà N1 đưa tiền mặt cho X số tiền 273.000.000 đồng; chuyển vào tài khoản số 58010001299003 mở tại Ngân hàng B3 của Nguyễn Thị Châu T5 theo yêu cầu của X số tiền 25.000.000 đồng;

chuyển vào tài khoản số 19020981038012 mở tại Ngân hàng T11 của Nguyễn Thị H2 theo yêu cầu của X số tiền 50.000.000 đồng.

Sau khi nhận tiền, X lên mạng Internet tìm người làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. X liên lạc số điện thoại 0979080075, có tài khoản Zalo tên Nguyễn Đình C3 (chưa rõ lai lịch). X nhờ đối tượng C3 làm giả 06 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với giá 40.000.000 đồng/giấy.

Khoảng 05 giờ ngày 31/8/2020, X đến nhà bà N1 tại số E G, phường P, Quận G giao cho bà N1 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL467292 của thửa đất số 122, tờ bản đồ số 26 tại địa chỉ Khu phố B, phường P, Quận G, diện tích 80 m², chủ sở hữu Trần Thị N2. Sau khi nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà N2 đưa X số tiền 230.000.000 đồng. Tổng cộng bà N2 đưa cho X số tiền 578.000.000 đồng để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Sau khi nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà N2 và gia đình phát hiện thông tin trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không đúng, thửa đất của nhà bà N2 có hình dạng mặt trước nhỏ hơn mặt sau nhưng bản vẽ hiện trạng trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do X đưa bà N2 có chiều dài mặt trước và mặt sau của thửa đất đều là 4m, tên phường là “P” (Quận G không có phường P) nên bà N2 làm đơn tố cáo Trần Thị Lệ X đến Công an phường P, Quận G.

Tổng số tiền Trần Thị Lệ X chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị N1 là 828.000.000 đồng.

4. Hành vi chiếm đoạt tài sản của bà Nguyễn Thị Ngọc D2

Bà Nguyễn Thị Ngọc D2 là bạn của bà Trần Thị Thanh P2, nên khi bà P2 nghe bà D2 nói đang tìm mua đất thì bà P2 giới thiệu X với bà D2. X thỏa thuận chuyển nhượng cho bà D2 02 lô đất tại C, Quận G với giá 200.000.000 đồng/01 lô, không nói rõ diện tích, và yêu cầu bà D2 đặt cọc số tiền 100.000.000 đồng. Khi ra sổ hồng, bà D2 sẽ thế chấp vào Ngân hàng để vay tiền và trả đủ tiền cho X, bà D2 tưởng thật nên đồng ý. Khoảng đầu tháng 5/2020, tại quán cà phê tại phường P, Quận G (không nhớ rõ địa chỉ), bà D2 giao cho X số tiền 10.000.000 đồng (có bà P2 chứng kiến). Khoảng 01 tuần sau, bà D2 đi cùng bà P2 giao cho X số tiền 70.000.000 đồng tại trước Ngân hàng A1 - Chi nhánh N3. Đến khoảng cuối tháng 5/2020, X yêu cầu bà D2 giao thêm số tiền 3.000.000 đồng để làm bản vẽ thửa đất, do bà D2 đang ở Bình Phước nên nhờ bà P2 đưa cho X. Quá trình thỏa thuận chuyển nhượng, theo yêu cầu của X, bà D2 đã đưa cho X 01 bản chính Căn cước công dân số 070186000180 tên Nguyễn Thị Ngọc D2 để X làm thủ tục giấy tờ.

Tổng số tiền Trần Thị Lệ X1 chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Ngọc D2 là 83.000.000 đồng.

5. Hành vi chiếm đoạt tài sản của ông Trần Sơn L1

Ông Trần Sơn L1 là em ruột của bà Trần Thị Thanh P2. Khoảng tháng 6/2020, bà P2 giới thiệu X1 với ông L1, do thấy bà P2 có mua đất của X1 nên ông L1 tin tưởng. Khi gặp ông L1, X1 nói sẽ chuyển nhượng cho ông L1 01 lô đất với giá 300.000.000 đồng, diện tích 89m². X1 thỏa thuận ông L1 sẽ đặt cọc số tiền 70.000.000 đồng, khi ra sổ hồng ông L1 sẽ giao đủ tiền cho X1, ông Lâm T6 thật nên đồng ý. Ngày 04/6/2020, theo yêu cầu của X1, ông L1 nhờ bà P2 chuyển số tiền 30.000.000 đồng vào tài khoản BIDV số B3 do Nguyễn Minh H đứng tên. Ngày 05/6/2020, ông L1 và bà P2 tiếp tục đưa X1 số tiền 40.000.000 đồng tại quán cà phê trên đường P, Quận G (không nhớ rõ địa chỉ). Đến ngày 08/6/2020, ông L1 yêu cầu X1 viết giấy nhận cọc, X1 viết “Hợp đồng chuyển nhượng đất nội bộ Quận G”, có nội dung X1 xác nhận đã nhận cọc số tiền 70.000.000 đồng và đưa cho bà P2 về giao cho ông Lâm giữ. Khoảng tháng 8/2020, Xuân báo với ông L1 sắp có sổ hồng, yêu cầu ông L1 đưa thêm số tiền 10.000.000 đồng, ông L1 nhờ bà P2 giao cho X1 số tiền 10.000.000 đồng tại quán cà phê trên đường P, Quận G. Đến tháng 9/2020, ông L1 biết X1 bị bà Nguyễn Thị N1 tố cáo về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, nên ông L1 đến Công an phường P, Quận G trình báo và giao nộp 01 hợp đồng chuyển nhượng đất nội bộ Quận G.

Tổng số tiền Trần Thị Lệ X chiếm đoạt của ông Trần Sơn L1 là 80.000.000 đồng.

6. Hành vi chiếm đoạt tài sản của ông Ngô Văn D3

Ông Ngô Văn D3 quen biết bà Trần Thị Thanh P2 và bà Nguyễn Thị N1 nên biết được việc Xuân rao bán đất giá rẻ tại Khu dân cư S, phường P, Quận G. Do nghe bà N1 và bà P2 đã thỏa thuận nhận chuyển nhượng khu đất tại địa chỉ trên, nên ông Dương T7 thật và nhờ bà N1 và bà P2 giới thiệu gặp X để thỏa thuận mua 01 thửa đất diện tích 71 m², với giá 1.000.000.000 đồng. Từ ngày 5/6/2020 đến ngày 7/6/2020, ông D3 nhờ chị ruột tên Ngô Thị D4 04 lần chuyển vào tài khoản BIDV số 31210000364611 của Nguyễn Minh H tổng số tiền 150.000.000 đồng. Ngày 8/6/2020, X giao cho ông D3 01 “Hợp đồng chuyển nhượng đất nội bộ Quận G”, nội dung: “Ông Nguyễn Bá S2 chuyển nhượng cho ông D3 01 thửa đất, diện tích 71 m², với giá 1.000.000.000 đồng, nhận cọc trước số tiền 150.000.000 đồng, hẹn 07 tháng sau ra sổ hồng”. Ngoài ra, ông D3 còn nhiều lần đưa tiền mặt cho X tổng số tiền 45.000.000 đồng để đo đất, làm sổ...

Tổng số tiền Trần Thị Lệ X chiếm đoạt của ông Ngô Văn D3 là 195.000.000 đồng.

7. Hành vi chiếm đoạt tài sản của ông Lý Văn T8

Năm 2020, ông Lý Văn T8 ở trọ tại đường H, phường P, Quận G nên quen biết bà Trần Thị Thanh P2. Bà P2 thấy ông T8 không có nhà ở nên giới thiệu Trần Thị Lệ X bán đất giá rẻ cho ông T8. Ông T8 biết bà P2 cũng có mua đất của X nên ông T8 tin tưởng mua 01 miếng đất 70m². X và bà P2 dẫn ông T8 đi xem đất tại C thuộc phường P, Quận G, làm ông T8 tưởng thật nên đồng ý

mua với giá 300.000.000 đồng. Từ tháng 7/2020 đến tháng 8/2020, ông T8 nhiều lần đưa tiền cho X. Trong đó, ông T8 đưa tiền mặt cho X số tiền 50.000.000 đồng tại quán cà phê (không nhớ rõ địa chỉ) tại phường P, Quận G (có sự chứng kiến của bà P2); ông T8 nhờ bà P2 chuyển 15.000.000 đồng vào tài khoản BIDV số 31210000364611 do Nguyễn Minh H đứng tên; ông T8 nhờ Lý Văn B1 chuyển 2.700.000 đồng vào tài khoản Ngân hàng N4 do Trần Thị D5 đứng tên; ông T8 trực tiếp chuyển 10.000.000 đồng vào tài khoản Ngân hàng M4 số 4020104374005 do Nguyễn Thị Thúy D6 đứng tên và chuyển 30.000.000 đồng vào tài khoản Ngân hàng B3 số 58010000711823, do Nguyễn Châu M2 đứng tên. X khai việc yêu cầu ông T8 chuyển tiền vào các tài khoản của Trần Thị D5, Nguyễn Thị Thúy D6, Nguyễn Châu M2 là để X trả tiền mua hàng hóa nhưng do thời gian đã lâu nên X không nhớ rõ mua những gì, những người này không liên quan đến hành vi lừa đảo của X.

Tổng số tiền Trần Thị Lệ X chiếm đoạt của ông Lý Văn T8 là 107.700.000 đồng.

8. Hành vi chiếm đoạt tài sản của bà Nguyễn Thị M3

Khoảng tháng 9/2020, bà Nguyễn Thị M3 nghe em chồng là ông Lý Văn T8 nói Trần Thị Lệ X có thể làm giấy tờ nhà đất, nên ngày 09/9/2020, bà M3 hẹn gặp X để nhờ làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất tại hẻm I H, phường T, Quận G, X đồng ý và báo giá 200.000.000 đồng, bà M3 đề nghị giảm giá còn 55.000.000 đồng, X đồng ý. Bà M3 tưởng thật nên đưa cho X 01 Giấy chứng minh nhân dân số 370880225 mang tên Nguyễn Thị M3; giấy bán đất ngày 24/10/2014; văn bản tái xác nhận và cam kết ngày 28/11/2016; Vi bằng ngày 28/11/2016; bản photo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P125594, chủ sở hữu Nguyễn Văn Đ. Đồng thời, ngày 10/9/2020, bà M3 đã chuyển số tiền 55.000.000 đồng vào tài khoản Ngân hàng B3 của Nguyễn Minh H theo yêu cầu của X và bị X chiếm đoạt tiêu xài cá nhân.

Số tiền Trần Thị Lệ X chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị M3 là 55.000.000 đồng.

9. Hành vi chiếm đoạt tài sản của bà Huỳnh Ngọc A

Khoảng tháng 8/2020, bà Huỳnh Ngọc A nghe bà Nguyễn Thị N1 nói X có thể làm giấy tờ nhà đất nên ngày 28/8/2020, bà Ngọc A hẹn gặp X tại quán cà phê trong khu N, phường P, Quận G để nhờ làm dùm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất tại hẻm I H, phường T, Quận G. X báo giá 200.000.000 đồng và yêu cầu bà Ngọc A giao trước 50.000.000 đồng. Bà Ngọc A tưởng thật nên ngày 28/8/2020, bà Ngọc A đưa cho bà N1 số tiền 50.000.000 đồng và nhờ bà N1 đưa cho X. Bà N1 đã đưa số tiền 50.000.000 đồng cho X và X đã chiếm đoạt tiêu xài cá nhân.

Số tiền Trần Thị Lệ X chiếm đoạt của bà Huỳnh Ngọc A là 50.000.000 đồng.

10. Hành vi chiếm đoạt tài sản của bà Đoàn Thị Ngọc H3

Bà Đoàn Thị Ngọc H3 là người buôn bán thịt tại chợ P7, Quận G nên quen biết với bà Trần Thị Thanh P2 và bà Nguyễn Thị N1. Cuối tháng 8/2020, bà N1 nói với bà H3 có người quen rao bán đất giá rẻ tại Khu dân cư S, phường P, Quận G và bà N1 đã đặt cọc mua rồi và hỏi bà H3 có mua không, bà H3 đồng ý. Ngày 30/8/2020, bà N1 dẫn bà H3 ra quán cà phê trên đường P, Quận G gặp X. Tại đây, X nói với bà H3 đang có lô đất trong Khu dân cư S, diện tích 70 m², giá 300.000.000 đồng, nếu mua thì đưa trước số tiền 70.000.000 đồng để đặt cọc giữ đất và làm bản vẽ, 6 tháng sau sẽ nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì trả đủ số tiền còn lại. Bà H3 tưởng thật nên đồng ý mua và giao bản chính Chứng minh nhân dân tên Đoàn Thị Ngọc H3 cho X giữ để làm hồ sơ mua đất. Do không mang tiền, bà H3 đã mượn của bà N1 70.000.000 đồng, nhờ bà N1 đưa cho X. Bà N1 đã đưa số tiền 70.000.000 đồng cho X và X đã chiếm đoạt.

Số tiền Trần Thị Lệ X chiếm đoạt của bà Đoàn Thị Ngọc H3 là 70.000.000 đồng.

11. Hành vi chiếm đoạt tài sản của Đoàn Hữu P3

Ông Đoàn Hữu P3 quen biết bà Nguyễn Thị N1 nên biết được thông tin X đang rao bán đất giá rẻ tại Khu dân cư S, phường P, Quận G, làm ông P3 tưởng thật nên liên hệ X để thỏa thuận nhận chuyển nhượng 01 thửa đất khoảng 50 m². Từ khoảng cuối tháng 8/2020 đến đầu tháng 9/2020, ông P3 và vợ là bà Nguyễn Thị D7 chuyển khoản theo yêu cầu của X số tiền 68.000.000 đồng vào tài khoản Ngân hàng B3 số 58010001299003, do Nguyễn Thị Châu T5 đứng tên để đặt cọc mua đất, X hẹn khoảng 06 tháng sau sẽ giao sổ hồng, nhưng sau đó ông P3 biết X đã bị Công an bắt vì có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, nên đến Công an phường P trình báo.

X khai việc chuyển tiền vào tài khoản Ngân hàng B3 số 58010001299003 của Nguyễn Thị Châu T5 là X chuyển tiền để mua vàng, bà T5 là người bán vàng tại tiệm V tại thành phố Q, tỉnh Bình Định và bà T5 không liên quan đến hành vi lừa đảo của X.

Số tiền Trần Thị Lệ X chiếm đoạt của ông Nguyễn Hữu P4 là 68.000.000 đồng.

Ngoài hành vi chiếm đoạt tổng số tiền 1.891.800.000 đồng của 11 bị hại nêu trên, Trần Thị Lệ X còn cùng với Nguyễn Minh H đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của ông Nguyễn Văn A, cụ thể như sau:

Trần Thị Lệ X và Nguyễn Minh H quen nhau từ tháng 5/2018, đến tháng 02/2019 thì sống chung với nhau. Ngày 16/4/2019, H điện thoại rủ ông Nguyễn Văn A (bạn học của H) đến quán S4 tại Phường F, thành phố T, tỉnh Long An uống cafe. Tại đây, H giới thiệu X là cháu của ông Võ Quốc T1 - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đ1, hiện là vợ của H. X nói với ông A hiện Công ty cổ phần Đ1 có 10 lô đất diện tích 7m x 20m tại Khu dân cư Đ, Phường

F, thành phố T, tỉnh Long An, đang bán với giá nội bộ rẻ hơn giá thị trường, chỉ từ 1.300.000.000 đồng đến 1.600.000.000 đồng, tùy vị trí. Ông Á tưởng thật nên đồng ý mua. Để tạo niềm tin, H thỏa thuận sẽ là người đứng tên trên hợp đồng đặt cọc mua bán đất.

Ngày 17/4/2019, ông Á và H lập 03 “Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng” để mua 03 lô đất. Ngày 6/5/2019, ông Á và H lập 01 “Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng” để mua thêm 01 lô đất (mua dùm người bạn tên Lê Minh T9). Trong hợp đồng, bên nhận đặt cọc là Công ty TNHH T12, do H làm Giám đốc, có đóng dấu của Công ty trên 04 hợp đồng nêu trên.

Từ ngày 17/4/2019 đến ngày 5/6/2019, ông Á nhiều lần chuyển tiền vào các tài khoản Ngân hàng B3 và Ngân hàng S5 do Nguyễn Minh H đứng tên, với tổng số tiền là 615.000.000 đồng để đặt cọc mua 04 lô đất như thỏa thuận.

Ngày 04/6/2019, theo yêu cầu của X, ông Á chuyển khoản vào tài khoản Ngân hàng A1 số 6600215002511 chủ tài khoản là “Vo Thị Thụy Loan” số tiền 15.000.000 đồng, số tiền này là X trả tiền mua đồ nội thất cho bà L.

Ngoài ra, ông Á còn 03 lần giao tiền mặt cho X tổng số tiền là 140.000.000 đồng.

Đến tháng 8/2019, ông Á điện thoại cho X để hỏi về các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì X nói hồ sơ bị trục trặc nên chưa có, hẹn tới Tết âm lịch năm 2020 sẽ giao. Đến hạn, X vẫn không giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo thỏa thuận, ông Á liên tục điện thoại hỏi thúc X và H đòi lại tiền. Để ông Á tin tưởng, X gọi điện thoại cho ông Á xưng tên là H4, làm ở Bộ X2, hỏi ông Á có phải là người mua đất Khu dân cư Đ hay không để bàn giao đất. Đồng thời, để ông Á không nghi ngờ X đã dùng số tiền đã chiếm đoạt của các bị hại nêu trên để trả lại cho ông Á số tiền 150.000.000 đồng. Đến cuối tháng 7/2020, X tiếp tục dùng giấy chứng minh nhân dân của bà Trần Thị Thanh P2 (do X đang giữ để làm giấy tờ cho bà P2) để chuyển khoản số tiền 300.000.000 đồng trả lại cho ông Á.

Tổng số tiền Trần Thị Lệ X và Nguyễn Minh H chiếm đoạt của ông Nguyễn Văn Á là 770.000.000 đồng.

Theo Kết luận giám định số 1889/KLGD ngày 22/9/2020 của Phòng K - Công an Thành phố H kết luận:

- 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 467292 mang tên Nguyễn Thị N1, đề ngày cấp năm 2020 là giả.

- 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 467292 mang tên Nguyễn Thị N1, đề ngày cấp 25/8/2020 là giả.

- 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 829871 mang tên Bùi Văn T10, đề ngày cấp 18/8/2020 là giả.

- 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 829248 mang tên Bùi Văn T10, đề ngày cấp 18/8/2020 là giả.

- 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 574487 mang tên Trần Văn N và Nguyễn Thị C2, đề ngày cấp 25/8/2020 là giả.

- 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 236256 mang tên Nguyễn Minh H đề ngày cấp năm 2020 là giả.

Theo Kết luận giám định số 1989/KLGD ngày 09/10/2020 của Phòng K - Công an Thành phố H kết luận: “*Chữ viết trên Hợp đồng chuyển nhượng đất ở nội bộ ngày 03/6/2020 giữa Nguyễn Bá S3 với Nguyễn Thị N1 do Trần Thị Lệ X viết ra*”.

Theo Kết luận giám định số 1496/KL-KTHS ngày 24/3/2022 của Phòng K Công an Thành phố H kết luận:

- *Hình dấu tròn của Công ty TNHH T12 trên 04 Hợp đồng đặt cọc mua đất với hình dấu tròn của Công ty TNHH T12 tại mẫu so sánh (do H giao nộp) do cùng 01 con dấu đóng ra.*

- *Không đủ cơ sở kết luận chữ ký, chữ viết họ tên “Nguyễn Minh H” trên 04 Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng giữa ông Nguyễn Văn Á và Công ty TNHH T12 với chữ ký, chữ viết họ tên “Nguyễn Minh H” tại mẫu so sánh có phải do cùng 01 người ký, viết ra hay không (đề nghị Cơ quan điều tra tiếp tục thu mẫu).*

- *Chữ viết nội dung trên Hợp đồng chuyển nhượng đất ở nội bộ Quận G giữa Nguyễn Bá S2 và Ngô Văn D3 và Hợp đồng chuyển nhượng đất ở nội bộ Quận G giữa Nguyễn Bá S2 và Trần Sơn L1, là chữ viết của Trần Thị Lệ X.*

Theo Kết luận giám định số 5258/KL-KTHS ngày 13/10/2022 của Phòng K Công an Thành phố H kết luận: *Chữ viết họ tên Nguyễn Minh H trên 03 Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng giữa ông Nguyễn Văn Á và Công ty TNHH T12 đề ngày 17/4/2019 là chữ viết của Trần Thị Lệ X*”.

Theo Kết luận giám định số 5092/KL-KTHS ngày 04/11/2022 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: “*Chữ ký đứng tên Nguyễn Minh H, chữ viết họ tên Nguyễn Minh H trên Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng đề ngày 06/5/2019 so với chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Minh H trên các mẫu so sánh là do cùng 01 người viết ra*”.

Theo Công văn số 6979/STNMT-VP ngày 29/10/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H, xác nhận: *không có công chức Trần Ngọc C4 và Nguyễn Bá S3 công tác tại Sở T.*

Theo Công văn số 99/2022/CV-PC/CPĐt ngày 05/12/2022 của Công ty Cổ phần Đ1, xác nhận:

- *Ông Võ Quốc T1 là Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đ1 không có bất kỳ quan hệ, giao dịch nào với Trần Thị Lệ X;*

- *Pháp nhân Công ty Cổ phần Đ1 không có và chưa từng có bất kỳ quan hệ, giao dịch với Trần Thị Lệ X và Công ty TNHH T12.*

- *Công ty Cổ phần Đ1 không phát sinh ủy quyền cho Trần Thị Lệ X, Nguyễn Minh H hay Công ty TNHH T12 được quyền nhận cọc để bán đất cho bất kỳ dự án nào của Công ty Cổ phần Đ1.*

Quá trình điều tra, Trần Thị Lệ X khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. Lời khai của X phù hợp với lời khai của các bị hại, người liên quan, kết luận giám định và các tài liệu khác có tại hồ sơ vụ án.

X khai khi nhận tiền của các bị hại nếu bị hại nào yêu cầu có biên nhận thì X viết “Hợp đồng chuyển nhượng đất nội bộ”, lấy con dấu tên “Nguyễn Ngọc C5”, “Nguyễn Bá S2” (do X tự đặt làm) đóng vào hợp đồng rồi giao cho bị hại để tạo niềm tin. Đồng thời, X khai Nguyễn Minh H là người hướng dẫn thủ đoạn, yêu cầu X đứng ra nhận tiền của người bị hại, H cùng X đi đặt các con dấu tên để đóng vào hợp đồng nhằm làm cho người bị hại tin tưởng. Trong tất cả những lần đi nhận tiền của những người nêu trên thì đa số H đều chở X đi bằng xe ô tô bán tải màu đen, biển số 51C- 309.27 của H nhưng H ngồi trên xe hoặc ngồi uống cà phê nơi khác. Khi đi lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả thì H cũng chở X đi lấy. X khai số tiền chiếm đoạt được X và H sử dụng tiêu xài cá nhân.

Còn Nguyễn Minh H không thừa nhận hành vi phạm tội của mình. H khai không biết việc X lừa đảo chiếm đoạt tài sản. H thừa nhận có nhận số tiền 330.000.000 đồng của các bị hại chuyển khoản vào tài khoản của H, nhưng không biết là tiền gì. Qua ghi lời khai của các ông bà Trần Thị Thanh P2, Nguyễn Thị N1, Trần Văn N, Trần Sơn L1, Nguyễn Thị Ngọc D2, Lý Văn T8, Nguyễn Thị M3, Đoàn Thị Ngọc H3, Đoàn Hữu P3, Ngô Văn D3, Huỳnh Ngọc A đều khai Nguyễn Minh H không tham gia thỏa thuận, trao đổi việc chuyển nhượng đất hay thỏa thuận làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, ngoài lời khai của X không có tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh nên không đủ cơ sở kết luận Hòa đồng P5 với X thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của 11 bị hại nêu trên.

Riêng đối với hành vi chiếm đoạt tài sản của ông Nguyễn Văn Ấ: H thừa nhận H và X không phải là chủ đất, không được Công ty Cổ phần Đ1 ủy quyền nhưng H và X vẫn đại diện Công ty TNHH T12 (không đăng ký ngành nghề kinh doanh bất động sản) ký hợp đồng nhận đặt cọc chuyển nhượng thửa đất không có thật nhằm chiếm đoạt tài sản của ông Ấ. H khai chỉ đại diện Công ty T12 ký 01 hợp đồng đặt cọc bán đất ngày 06/5/2019 với ông Ấ, H không ký 03 hợp đồng đặc cọc bán đất ngày 17/4/2019. Trong tổng số tiền 770.000.000 đồng của ông Ấ, H nhận chuyển khoản số tiền 615.000.000 đồng và cùng X nhận tiền mặt từ ông Ấ số tiền 80.000.000 đồng. Tuy nhiên, căn cứ lời khai của ông Ấ và X, có đủ cơ sở xác định H cùng X chiếm đoạt số tiền 770.000.000 đồng của ông Ấ.

Riêng đối với Nguyễn Thị Châu T5, Nguyễn Châu M2, Dương Thị Ngọc D8, Trần Thị D5, Nguyễn Thị Thúy D6, Phạm Thị Thùy T, Trương Thanh P1, Võ Thị Thúy L2 không biết số tiền các bị hại chuyển vào tài khoản của mình là tiền do X phạm tội mà có, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H không xử lý là có cơ sở.

Đối với việc Trần Thị Lệ X tố cáo Nguyễn Minh H chiếm đoạt số nữ trang trị giá khoảng 800.000.000 đồng vào ngày 01/10/2020 khi X đang làm việc với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H, X có giao số nữ trang cho H cất giữ nhưng sau đó H không trả lại cho X. Tuy nhiên, H khai X có giao cho H bịch nylon màu đen bên trong có mấy bộ quần áo, H đã vứt bỏ. Do chỉ có lời khai của X nên không có cơ sở xử lý H chiếm đoạt tài sản của X.

Tại bản Cáo trạng số 238/CT-VKSTPHCM-P1 ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đã truy tố:

- Bị cáo Trần Thị Lệ X về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Bị cáo Nguyễn Minh H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm 97/2025/HS-ST ngày 10/3/2025 và Thông báo sửa chữa, bổ sung Bản án số 264/2025/TB-TA ngày 15/4/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

[1] Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt: bị cáo Trần Thị Lệ X 15 (mười lăm) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 03 (ba) năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 18 (mười tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Minh H 13 (mười ba) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 17/11/2023.

[2] Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự:

...

- Buộc các bị cáo Trần Thị Lệ X và Nguyễn Minh H liên đới bồi thường cho ông Nguyễn Văn A số tiền 320.000.000 (ba trăm hai mươi triệu) đồng, cụ thể mỗi bị cáo phải bồi thường 160.000.000 (một trăm sáu mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo chưa thanh toán đầy đủ các khoản tiền bồi thường về tài sản theo mức nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi bằng 50% mức lãi suất giới hạn theo quy định tại thời điểm thanh toán, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm, quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 12/3/2025, bị cáo Nguyễn Minh H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt;

- Ngày 24/3/2025, bị cáo Trần Thị Lệ X kháng cáo đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; đồng thời đề nghị xem xét lại trách nhiệm hình sự và hình phạt của bị cáo Nguyễn Minh H đối với hành vi chiếm đoạt toàn bộ số tiền của các bị hại chứ không phải chỉ có 01 bị hại Nguyễn Văn A.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Trần Thị Lệ X và Nguyễn Minh H vẫn giữ yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo.

Trong phần tranh luận:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không kháng cáo về tội danh. Đối với bị cáo X, mặc dù trong quá trình giải quyết vụ án bị cáo đã nộp số tiền 179.000.000 đồng để khắc phục một phần hậu quả, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhưng bị cáo phạm tội nhiều lần, sau khi xét xử sơ thẩm đến nay, bị cáo vẫn chưa khắc phục thêm cho các bị hại. Do đó, mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử đối với bị cáo là có căn cứ. Tại phiên tòa thẩm, bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ mới, nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo.

Đối với bị cáo H, hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội. Các tình tiết giảm nhẹ đã được Tòa sơ thẩm xem xét đầy đủ cho bị cáo. Mặc dù, tại cấp phúc thẩm bị cáo có nộp thêm số tiền 60.000.000 đồng, nhưng thiệt hại trong vụ án là rất lớn và vai trò của bị cáo rất nghiêm trọng, nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo về việc giảm hình phạt cho bị cáo.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Thị Lệ X phát biểu: Trong phần nhận định, Bản án sơ thẩm có ghi nhận việc bị cáo đã nộp khắc phục hậu quả với số

tiền 179.000.000 đồng, nhưng trong phần quyết định phần án sơ thẩm bị cáo chưa được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo có 3 con nhỏ cần được nuôi dưỡng chăm sóc, có xác nhận thể hiện gia đình bị cáo có ông bà nội là có công cách mạng. Ngoài ra, tại cấp sơ thẩm bị cáo có áp dụng tình tiết giảm nhẹ là phạm tội khi đang mang thai. Từ những căn cứ nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng cho bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51, để áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự, chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo đối với 02 tội dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Minh H phát biểu:

Bị cáo H cho rằng trong 4 hợp đồng ký với ông Nguyễn Văn Á, bị cáo chỉ ký 01 hợp đồng ngày 06/5/2019. Nội dung này đã được Cơ quan điều tra xác định chữ ký và chữ viết trong các hợp đồng là của bị cáo X không phải bị cáo H. Trong tổng số tiền 450.000.000 trả cho ông Á, bị cáo H đã khắc phục 150.000.000 đồng, bị cáo X là 300.000.000 đồng. Ngoài ra, trong quá trình điều tra bị cáo H có bị tạm giữ một thẻ ATM với số dư 49.000.000 đồng, bị cáo đã xin dùng số tiền này để khắc phục hậu quả của vụ án nhưng chưa được cấp sơ thẩm xem xét.

Do tin tưởng bị cáo X, nên bị cáo giới thiệu X cho các bị hại. Trước khi khởi tố vụ án, bị cáo cũng có thương lượng với bị hại Á sẽ đồng ý trả cho ông Á 300.000.000 đồng và được ông Á xin giảm nhẹ hình phạt. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo đã nộp thêm 60.000.000 đồng để khắc phục một phần hậu quả. Ngoài ra, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn. Hiện tại cha của bị cáo đã già đang bị bệnh. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng mức hình phạt thấp nhất mà điều luật quy định cho bị cáo và bị cáo xin cần trừ số dư trong tài khoản thẻ ATM để khắc phục hậu quả vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện hành vi phạm tội của các bị cáo như sau:

[1.1] Từ tháng 3/2020 đến tháng 9/2020, bị cáo Trần Thị Lệ X đã dùng thủ đoạn gian dối đưa ra thông tin không đúng sự thật X là cháu của ông T2 – Bí thư Tỉnh ủy B2 và ông Võ Quốc T1 – Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đ1, nên bị cáo X có khả năng làm được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đồng thời biết có đất nội bộ của Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H, đất nội bộ của Công ty Đ1 rao bán rẻ. Chính những thông tin gian dối này làm các bị hại tưởng thật mà đồng ý giao tiền cho bị cáo X để nhận chuyển nhượng đất và nhờ bị cáo X làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đề tạo được lòng tin với các bị hại, bị cáo X lên mạng Internet tìm người sử dụng Z tên “Nguyễn Đình C3” để đặt làm 06 “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” giả với giá 40.000.000 đồng/giấy rồi sử dụng tài liệu giả này để giao cho các bị hại, để các bị hại tin tưởng và tiếp tục chuyển tiền cho bị cáo X.

Bằng thủ đoạn trên, bị cáo X đã chiếm đoạt của bà Trần Thị Thanh P2 164.100.000 đồng, chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị N1 828.000.000 đồng, chiếm đoạt của ông Trần Văn N 191.000.000 đồng, chiếm đoạt của ông Trần Sơn L1 80.000.000 đồng, chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Ngọc D2 83.000.000 đồng, chiếm đoạt của ông Lý Văn T8 107.700.000 đồng, chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị M3 55.000.000 đồng, chiếm đoạt của bà Đoàn Thị Ngọc H3 70.000.000 đồng, chiếm đoạt của ông Đoàn Hữu P3 68.000.000 đồng, chiếm đoạt của ông Ngô Văn D3 195.000.000 đồng, chiếm đoạt của ông Huỳnh Ngọc A 50.000.000 đồng, cùng với bị cáo Nguyễn Minh H chiếm đoạt của ông Nguyễn Văn Á 770.000.000 đồng.

Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử bị cáo Trần Thị Lê Xuân P6 các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại khoản 4 Điều 174, khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Tổng số tiền bị cáo X đã chiếm đoạt của 12 bị hại là 2.661.800.000 đồng.

[1.2] Nguyễn Minh H là Giám đốc Công ty TNHH T12, Công ty này không đăng ký ngành nghề kinh doanh bất động sản; bị cáo H và bị cáo X không phải là chủ đất, cũng không được Công ty Cổ phần Đ1 ủy quyền, nhưng bị cáo H vẫn giới thiệu với ông Nguyễn Văn Á là Công ty Đ1 có 10 lô đất tại KDC Đ, Phường F, thành phố T, tỉnh Long An, được bán với giá nội bộ rẻ hơn giá thị trường và bị cáo X là cháu của ông T1 - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Đ1 nên mới được mua. Do tin tưởng bị cáo H là bạn học nên ông Á đã đồng ý mua. Từ ngày 17/4/2019 đến ngày 06/5/2019, bị cáo H đã lấy danh nghĩa Công ty TNHH T12 ký 4 “Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng” và nhận 615.000.000 đồng tiền đặt cọc của ông Á, ngoài ra ông Á còn chuyển khoản 15.000.000 đồng vào tài khoản số 6600215002511, chủ tài khoản “Vo Thi Thuy Loan” theo yêu cầu của bị cáo X và 3 lần giao 140.000.000 đồng tiền mặt cho bị cáo X.

Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử bị cáo Trần Thị Lê X phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 với số tiền chiếm đoạt 770.000.000 đồng.

[2] Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[2.1] Về tội danh: Lời khai nhận tội của bị cáo Trần Thị Lê X phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo phạm các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Sử dụng tài liệu giả của cơ

quan, tổ chức” theo quy định tại khoản 4 Điều 174, khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội.

Quá trình giải quyết vụ án, bị cáo Nguyễn Minh H khai nhận không có lừa đảo chiếm đoạt tiền của ông Nguyễn Văn A, mà chỉ có hành vi nhận số tiền 330.000.000 đồng của các bị hại, nhưng căn cứ vào lời khai của bị hại Nguyễn Văn A, lời khai của bị cáo Trần Thị Lệ X, các hợp đồng đặt cọc ký giữa ông A và bị cáo H thì đã có đủ căn cứ để kết luận các bị cáo H và X đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt của ông A số tiền 770.000.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo về “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, không kháng cáo về tội danh, chỉ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngoài ra, trong quá trình tố tụng và tại đơn kháng cáo, bị cáo Trần Thị Lệ X nêu bị cáo Nguyễn Minh H là người hướng dẫn X thủ đoạn lừa đảo chiếm đoạt tiền của các bị hại, yêu cầu X nhận tiền của các bị hại, cùng X đi đặt các dấu tên để đóng vào các hợp đồng nhằm làm cho các bị hại tin tưởng. Khi nhận giấy tờ giả từ đối tượng không rõ lai lịch và nhận tiền từ các bị hại thì H đều chở X bằng xe ô tô đi nhận nhưng H chỉ ngồi trên xe không xuống; đồng thời X còn khai H có hành vi chiếm đoạt số nữ trang trị giá 800.000.000 đồng khi X đang làm việc với Cơ quan cảnh sát điều tra, X có giao cho H cất giữ số nữ trang này nhưng sau đó H không trả lại cho X. Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã trả hồ sơ điều tra bổ sung về vấn đề này. Quá trình điều tra bổ sung xác định các bị hại (trừ ông Lê Văn A1) khai nhận chỉ trao đổi, thỏa thuận với X và giao tiền theo yêu cầu của X, không biết H là ai, chưa tiếp xúc với H hoặc có gặp nhưng không trao đổi gì về việc mua bán đất hay làm giấy tờ nhà đất với H.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo X vẫn giữ nguyên lời khai như đã nêu trên. Kết quả điều tra bổ sung của Cơ quan cảnh sát điều tra thể hiện không có đủ cơ sở để xác định Hòa đồng P5 giúp sức cho X trong việc thực hiện hành vi chiếm đoạt của 11 bị hại số tiền 1.891.800.000 đồng. Đối với số nữ trang mà X cho rằng H đã chiếm đoạt của X, Cơ quan cảnh sát điều tra đã có văn bản giải quyết. Xét thấy vấn đề này không liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét như án sơ thẩm nhận định là có căn cứ.

[2.2] Về hình phạt:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của cá nhân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo nhận thức được tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội của mình gây, nhưng do tham lam, háms lợi và xem thường pháp luật mà các bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội, nên cần có mức án nghiêm khắc đối với các bị cáo nhằm cải tạo, giáo dục riêng và răn đe, phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

Đối với bị cáo X: Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm n, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo X là có căn cứ. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, bị cáo đã trả lại cho ông Nguyễn Văn Ấ số tiền 450.000.000 đồng và nộp lại số tiền 179.000.000 đồng để khắc phục một phần hậu quả. Bản án sơ thẩm đã có nhận định, nhưng không áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo là có thiếu sót. Ngoài ra, theo các tài liệu bị cáo nộp tại cấp phúc thẩm thể hiện gia đình bị cáo có người có công với đất nước, là tình tiết mới chưa được xem xét tại cấp sơ thẩm. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

Đối với bị cáo Nguyễn Minh H: Trong vụ án này, bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm trong việc chiếm đoạt tiền của 01 bị hại ông Nguyễn Văn Ấ với số tiền 770.000.000 đồng; trước khi khởi tố vụ án, ông Ấ đã được trả lại số tiền 450.000.000 đồng. Vậy, số tiền ông Ấ bị thiệt hại còn lại 320.000.000 đồng và mỗi bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho ông Ấ số tiền 160.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, bị cáo có nộp thêm 60.000.000 đồng theo Biên lai thu số 0016975 ngày 20/6/2025 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Xét thấy, theo tài liệu chứng cứ trên thì ông Ấ đã được khắc phục hơn 50% thiệt hại, số tiền bị cáo đã nộp thêm là tình tiết mới chưa được xem xét tại cấp sơ thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo. Do có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 (Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51), nên đủ điều kiện được áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật Hình sự. Từ những phân tích trên, yêu cầu kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo là có cơ sở được chấp nhận.

Số tiền 60.000.000 đồng bị cáo đã nộp theo Biên lai thu số 0016975 ngày 20/6/2025 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh được khấu trừ phần trách nhiệm dân sự của bị cáo tại giai đoạn thi hành án.

[3] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa; Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo; sửa một phần bản án sơ thẩm về hình phạt đối với các bị cáo.

[4] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Trần Thị Lệ X, Nguyễn Minh H;

Sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số 97/2025/HS-ST ngày 10/3/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

1. Tuyên bố bị cáo Trần Thị Lệ Xuân P6 các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”; bị cáo Nguyễn Minh H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

1.1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt: bị cáo Trần Thị Lệ X 13 (mười ba) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 03 (ba) năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 16 (mười sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

1.2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Minh H 11 (mười một) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 17/11/2023.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Minh H 45 ngày để đảm bảo thi hành án.

2. Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự:

...

- Buộc các bị cáo Trần Thị Lệ X và Nguyễn Minh H liên đới bồi thường cho ông Nguyễn Văn A số tiền 320.000.000 (ba trăm hai mươi triệu) đồng, cụ thể mỗi bị cáo phải bồi thường 160.000.000 (một trăm sáu mươi triệu) đồng.

Số tiền 60.000.000 đồng bị cáo Nguyễn Minh H đã nộp theo biên lai thu số 0016975 ngày 20/6/2025 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh được khấu trừ phần trách nhiệm dân sự của bị cáo tại giai đoạn thi hành án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo chưa thanh toán đầy đủ các khoản tiền bồi thường về tài sản theo mức nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi bằng

50% mức lãi suất giới hạn theo quy định tại thời điểm thanh toán, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo không phải chịu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Sở tư pháp TP.HCM;
- Công an TP.HCM;
- Trại tạm giam công an TP.HCM;
- (Tổng đạt cho bị cáo);
- BCTN (1);
- Lưu (5) 17b (Án NThuy).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Duyên